

Số: 1582/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội
theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Trảng Bom

HỘI TỐC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của UBND huyện Trảng Bom tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 147/TTr-LĐTBXH ngày 18 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Trảng Bom gồm 6.408 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 9.556.800.000 đồng (Chín tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn); cụ thể:

1. Có 6.347 người được hỗ trợ 03 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 9.520.500.000 đồng.

2. Có 19 người chết trong tháng 4 năm 2020: Hỗ trợ 01 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 9.500.000 đồng.

3. Có 04 người chết trong tháng 5 năm 2020: Hỗ trợ 02 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 4.000.000 đồng.

4. Có 38 người là đối tượng bảo trợ xã hội bán vé số: Đã được chi hỗ trợ 900.000 đồng từ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai, tiếp tục chi hỗ trợ bổ sung 600.000 đồng/người, số tiền là 22.800.000 đồng.

5. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Trảng Bom (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Trảng Bom chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùg.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐANG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 TẠI HUYỆN TRẢNG BOM**
(Đính kèm Quyết định số 1522 QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
	TỔNG SỐ							9.556.800.000	
1	Phạm Thị Mạnh		1/1/1916	270.436.618	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2	Đoàn Mạnh Hoàng	1/1/1963		Không có CMND	ấp 1, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3	Nguyễn Văn Đồng	1/1/1988		271.796.454	ấp 1, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4	Võ Đình Tâm	1/1/1929		270.436.648	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5	Phạm Ngọc Linh	2/22/1984		Không có CMND	ấp 1, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6	Nguyễn Thị Hương		9/19/1935	270.436.629	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7	Nguyễn Thị Hương		1/1/1936	220.099.014	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8	Đào Huỳnh Anh Thắng	4/29/2003		272.913.331	ấp 1, xã An Viễn	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
9	Đào Anh Thi	3/23/2006		còn nhỏ	ấp 1, xã An Viễn	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
10	Nguyễn Thị Hà Hồi		4/11/1960	270.436.606	ấp 1, xã An Viễn	Hộ nhận nuôi trẻ mồ côi dưới 4 tuổi	450.000	1.500.000	
11	Đào Văn Tron	1/1/1953		270.685.699	ấp 1, xã An Viễn	Hộ nhận nuôi trẻ mồ côi dưới 4 tuổi	450.000	1.500.000	
12	Nguyễn Thư	1/1/1937		272.394.930	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
13	Phan Thị Mến		10/5/1937	250.273.283	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
14	Trần Văn Tân	10/10/1937		272.461.942	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	
15	Lê Thị Lợi		1/1/1938	272.394.880	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
16	Nguyễn Văn Chức	10/21/1939		270436528	ấp 1, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
17	Trần Văn Tâm	15/3/1956		272963621	ấp 1, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
18	Đàm Sáng	6/8/1978		271.273.008	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
19	Ngô Thi Út		1/1/1948	270.685.702	ấp 2, xã An Viễn	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
20	Trần Văn Gặp	1/1/1923		270.433.924	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
21	Trần Thị Sầu		7/2/1927	200.672.425	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
22	Văn Đình Bảo	5/8/2006		còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
23	Nguyễn Thị Thanh		7/27/1984	271.562.896	ấp 2, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
24	Nguyễn Thị Ngọc		12/25/1929	270.436.456	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
25	Nguyễn Thị Thịnh		1/1/1927	Không có CMND	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
26	Bùi Danh Trọng	1/1/1926		272.308.528	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
27	Đặng Đình Diễm	4/18/1931		270.436.068	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
28	Nguyễn Thị Răng		10/16/1932	270.436.067	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
29	Nguyễn Thị Định		3/16/1931	270.436.282	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
30	Đỗ Minh Biển	1/1/1931		270.436.433	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
31	Lê Minh Tâm	11/9/2006		còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
32	Phạm Minh Đạt	6/29/2006		còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
33	Phạm Thị Lỵc		1/1/1934	272.602.321	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
34	Nguyễn Lê Thùy Linh		9/8/2014	còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
35	Lê Thị Thuỳ Dương		12/26/1983	271.742.685	ấp 2, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
36	Ngô Thành Mạnh Dũng	3/16/2016		còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
37	Chu Lưu Thuỳ Liễu Hạnh		7/17/1987	276.019.183	ấp 2, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
38	Cao Thị Thêu		10/10/1937	190.531.127	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
39	Nguyễn Hôn	1/1/1938		270.436.090	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
40	Mai Thị Quận		1/1/1938	270.436.092	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
41	Trần Thị Hồng		9/9/1938	270.436.133	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
42	Lê Thị Sáu		2/2/1939	270.436.035	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
43	Hoàng Thụy Tường Vy		07/11/2009	còn nhỏ	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
44	Nguyễn Thị Ngọc		04/10/1977	271.521.775	ấp 2, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
45	Đoàn Hữu Cao	06/12/1981		212218696	ấp 2, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	600.000	
46	Nguyễn Ngọc Hồ	24/08/1939		271693163	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
47	Nguyễn Thị Hà		10/8/1952	270433990	ấp 2, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
48	Phan Thị Thanh Hương		30/01/1969	270.894.444	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
49	Phan Thanh Tùng	10/07/1974		271.121.754	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
50	Nguyễn Văn An	01/01/1962		270.431.497	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
51	Lê Hữu Thương	01/01/1982		Không có CMND	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
52	Nguyễn Thị Tuyết Hằng		15/10/1962	270.436.636	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
53	Nguyễn Thị Dung		01/01/1959	270.436.155	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
54	Thân Thị Cẩm		01/01/1955	120.357.810	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
55	Nguyễn Văn Quê	09/09/1952		120.357	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
56	Phạm Thị Hời		01/01/1964	270.235.733	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
57	Nguyễn Văn Đẹp	12/07/1970		270.800.731	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
58	Nguyễn Văn Thu	01/01/1950		270.439.417	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
59	Lê Văn Nghi	01/01/1928		279.436.376	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
60	Trần Văn Nguơn	01/01/1932		272.635.013	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
61	Trương Nguyễn Thanh Tâm		21/04/2004	còn nhỏ	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
62	Đinh Viết Thành	03/08/1933		270.086.601	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
63	Đinh Thị Hời		14/04/1935	270.436.186	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
64	Trần Hữu Trung	01/01/1933		271.938.430	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
65	Trần Thị Xuân		02/07/1936	271.938.520	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
66	Trần Thị Mỹ Hạnh		26/06/2004	còn nhỏ	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
67	Nguyễn Ngọc	27/03/1948		270.436.251	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
68	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1935	270.436.197	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
69	Nguyễn Xuân Tiến	01/01/1935		270.436.328	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
70	Vũ Hồng Ngọc Bích		14/07/2013	còn nhỏ	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
71	Lê Thị Minh Kim		06/05/1983	271.512.938	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
72	Ngô Thị Thu Thủy		06/08/2012	còn nhỏ	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
73	Ngô Minh Lợi	26/10/1988		271.796.491	ấp 3, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
74	Nguyễn Hoàng Sơn	01/10/1983		271.513.287	ấp 3, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
75	Phạm Thị Linh		15/06/1937	270.436.290	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
76	Nguyễn Thị Minh		05/06/1937	270.436.278	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
77	Nguyễn Thị Ngọc Thu		20/05/1957	270.436.415	ấp 3, xã An Viễn	Người giữa cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
78	Ngô Thị Huệ		05/07/1937	270.436.223	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
79	Nguyễn Thị Lễ		01/01/1938	272.153.423	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
80	Nguyễn Thị Thành		01/07/1934	180.730.206	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
81	Nguyễn Thị Chấn		21/01/1939	272.153.325	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
82	Nguyễn Văn Sơn	01/01/1939		270.431.169	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
83	Nguyễn Thị Phái		02/06/1939	271.647.977	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
84	Nguyễn Thị Long		01/01/1940	270120721	ấp 3, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
85	Nguyễn Thị Chính		01/01/1931	272.655.022	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
86	Phạm Thị Mai		01/01/1925	270.685.734	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
87	Cao Nguyễn Lâm	06/08/1989		271.938.457	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
88	Nguyễn Thị Lý		01/01/1930	270.431.029	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
89	Đào Thị Huệ		15/03/1930	270.431.153	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
90	Nguyễn Thị Lạc		01/01/1927	270.431.102	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
91	Trần Văn Thành	01/01/1935		270.431.604	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
92	Nguyễn Thị Mai		01/01/1932	270.745.841	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
93	Nguyễn Thị Liên		10/10/1933	271.823.583	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
94	Hoàng Thị Bát		10/10/1934	272.559.017	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
95	Vũ Đình Long		01/01/1934	270.431.544	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
96	Vũ Đình Tiến		10/02/1975	271.169.483	ấp 4, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
97	Nguyễn Thị Hương		30/09/1934	271.693.185	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
98	Vũ Thị Giữ		13/01/1957	270.685.746	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
99	Nguyễn Văn Sinh		21/01/1960	272.028.873	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
100	Nguyễn Thị Kiêng		20/08/1935	270.425.927	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
101	Hoàng Thủy Linh		08/07/2010	còn nhỏ	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
102	Trần Hoàng Gia Hân		06/11/2011	còn nhỏ	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
103	Phạm Thị Tiếp		01/10/1982	272.559.021	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
104	Trương Thị Chung		01/01/1937	272.559.148	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
105	Nguyễn Mai Khánh		19/01/1937	270.431.125	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
106	Nguyễn Văn Hoi		15/03/1937	272.397.863	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
107	Nguyễn Văn Chiến		28/02/1984	321.204.170	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
108	Phan Thị Thanh		30/10/1937	272.521.325	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
109	Nguyễn Ngọc Đăng Khôi		11/08/2011	còn nhỏ	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
110	Đoàn Thị Hiền		03/05/1922	272.891.747	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
111	Vũ Đức Thắm		01/10/1938	272.689.817	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
112	Nguyễn Tiến Hải		08/04/1939	272.775.136	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
113	Trần Thị Nở		10/09/1939	270.431.504	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
114	Vũ Thị Ghim		01/01/1938	272.655.303	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
115	Đinh Văn Nghin		10/07/1937	140614894	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
116	Nguyễn Dương Quang Anh		21/03/2009	còn nhỏ	ấp 4, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
117	Nguyễn Thị Phói		05/05/1922	173574718	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
118	Nguyễn Thị Hà		15/3/1956	271872859	ấp 4, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
119	Nguyễn Thị Dược		01/01/1930	270.686.010	ấp 5, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
120	Nguyễn Thị Thu Cúc		01/01/1966	270.686.157	ấp 5, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
121	Trần Sỹ Tịch	01/01/1963		271.938.465	ấp 5, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
122	Huỳnh Thị Ngọc Hằng		28/08/2003	Không có CMND	ấp 5, xã An Viễn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
123	Nguyễn Thị Thu Hương		01/01/1963	270.686.145	ấp 5, xã An Viễn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
124	Nguyễn Trọng Nhân	10/09/2004		còn nhỏ	ấp 5, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
125	Huỳnh Thị Khi		01/01/1929	271.787.602	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
126	Hoàng Văn Sơn	26/03/1968		272.934.409	ấp 5, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
127	Nguyễn Thị Cảnh		10/10/1933	271.938.541	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
128	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1935	272.028.895	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
129	Nguyễn Đức Kế	24/08/1936		272.000.607	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
130	Nguyễn Thị Mừng		01/01/1937	270.231.233	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
131	Huỳnh Thế Kiệt	23/09/2005		còn nhỏ	ấp 5, xã An Viễn	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
132	Huỳnh Thanh Đền	01/01/1947		270.431.380	ấp 5, xã An Viễn	Hộ nhận nuôi trẻ mồ côi dưới 4 tuổi	450.000	1.500.000	
133	Nguyễn Hữu Long	15/08/1937		271.938.542	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
134	Nguyễn Thị Cảnh		01/01/1938	271.938.541	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
135	Trương Thị Mến		01/01/1938	270.686.022	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
136	Đỗ Thị Bường		20/04/1939	270.425.878	ấp 5, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
137	Nguyễn Văn Tâm	13/05/1960		270.431.398	ấp 6, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
138	Đặng Xuân Tuất	10/02/1933		270.431.102	ấp 6, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
139	Trần Thị Dân		01/01/1936	270.431.289	ấp 6, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
140	Trần Thị Tiên		10/03/1938	272.959.254	ấp 6, xã An Viễn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
141	Nguyễn Văn Xuyên	08/12/1965		270.436.381	ấp 6, xã An Viễn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
142	Đinh Văn Hải	01/01/1964			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
143	Đinh Viết Hiền	01/01/1972			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
144	Đinh Thị Thuộc		01/01/1958		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
145	Đinh Văn Đại	01/01/1956			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
146	Đinh Viết Khải	29/08/1961			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
147	Đỗ Hoàng Long Thọ	01/01/1988			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
148	Đỗ Đình Bình	01/01/1955			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
149	Bùi Tiên Sinh	01/01/1989			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
150	Đinh Viết Hân	01/01/1957		270406315	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
151	Nguyễn Văn Thân	01/01/1924		272283301	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
152	Trần Công Hoan	01/01/1984			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
153	Nguyễn Thị Luyện		01/01/1960		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
154	Phạm Thị Ngọc		01/01/1925		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
155	Bùi Xuân Đức	15/12/2005			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
156	Đinh Thị Hương		26/12/1971		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
157	Nguyễn Thị Thu Thảo		17/05/2007		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
158	Nguyễn Văn Cẩn	01/01/1970			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
159	Phạm Thị Thi		01/01/1923		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
160	Nguyễn Văn Luân	22/04/1935		272094371	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
161	Nguyễn Văn Bình	01/10/1984			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
162	Nguyễn Thị Chung		01/01/1963		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
163	Lại Thị Thanh Nga		28/10/1991		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
164	Vũ Thị Thu Hào		30/08/1970		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
165	Tân Xuân Hồng	01/05/1977		271719383	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
166	Tân Xuân Vương	05/05/1953		270418077	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
167	Nguyễn Duy Tân	09/08/1989			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
168	Nguyễn Thị Hồng Thủy		19/11/1966	270662752	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
169	Thân Thị Kim Oanh		01/01/1967		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
170	Ngô Thị Thanh Hoài		30/01/1988		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
171	Vũ Văn Liệu	01/01/1939		270922217	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
172	Nguyễn Thị Phương Dung		01/01/1984		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
173	Đinh Thị Luyện		01/01/1929		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
174	Nguyễn Ngọc Long	04/12/1929		270423225	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
175	Đinh Kim Ngọc		12/04/1929		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
176	Đinh Thị Liễu		01/01/1935	270406228	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
177	Đỗ Thị Khoa		01/01/1928		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
178	Vũ Đình Cường	20/02/1938		270725264	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
179	Từ Văn Trùng	01/01/1930			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
180	Đinh Thị Hương		01/01/1927		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
181	Phạm Minh Đăng	01/01/1966			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
182	Phạm Thị Sáng		03/09/1972		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
183	Phạm Thị Mơ		01/01/1930		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
184	Trần Thu Lương	15/05/1919			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
185	Vũ Thị Hương		01/01/1931		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
186	Đinh Ngọc Trác	01/01/1930			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
187	Vũ Thị Hòa		01/01/1936	270408038	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
188	Đinh Thị Tám		01/01/1945	270406992	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
189	Vũ Thị Thơm		01/01/1928		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
190	Nguyễn Thị Ruệ		15/05/1930	270444564	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
191	Trần Thị Duyên		01/01/1931		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
192	Trần Đình Cẩm	01/01/1931		271871952	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
193	Ung Thị Bốn		01/01/1927		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
194	Phan Văn Hưu	01/01/1925			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
195	Đỗ Huỳnh Anh	02/03/1991			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
196	Lại Thị Yên		01/01/1930	270406479	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
197	Nguyễn Văn Cần	01/01/1928		270406069	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
198	Đinh Thị Lan		01/01/1933		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
199	Bùi Thanh Phong	01/01/1968			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
200	Đinh Thị Xuân Thu		01/01/1983	271482621	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
201	Phạm Thị Khuy		02/10/1932	270406126	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
202	Nguyễn Thị Thoi		01/05/1931		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
203	Mai Văn Bắc	25/03/1979			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
204	Ngô Thị Kim Hạnh		10/05/1982		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
205	Đặng Thị Hồng		01/01/1931	270177667	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
206	Ngô Hoàng Tùng	13/12/1965			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
207	Phan Đình Nhật Vỹ		21/03/2002		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
208	Đinh Thị Ánh Loan		25/12/1968		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
209	Mai Kỳ Khôi	14/11/1955			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
210	Đinh Thị Mộng Tuyền		21/09/1978		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
211	Vũ Thị Bảo Yên		19/09/1997		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
212	Vũ Bá Trung	08/12/1952		270406716	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
213	Bùi Duy Linh	13/10/1997			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
214	Bùi Nguon Khánh	01/01/1931			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
215	Bùi Thị Nhiệm		01/01/1936		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
216	Nguyễn Thị Ca		01/01/1933	270417977	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
217	Nguyễn Văn Cự	07/12/1951		270406583	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
218	Trần Thị Liễu		01/01/1935	272868470	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
219	Trần Thanh Sang	11/03/1997		272521574	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
220	Hứa Văn Ôn	01/01/1931		270291276	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
221	Đoàn Thị Châu		01/01/1934		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
222	Võ Thị Nhỏ		01/01/1933	270417262	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
223	Phạm Văn Ép	01/01/1934		270417311	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
224	Vũ Thị Vy		01/01/1933	250129168	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
225	Trần Thị Khương		04/05/1927	272526135	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
226	Trần Thị Ngọc Anh		28/03/2004		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
227	Nguyễn Văn Phú	20/11/1991		271065149	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
228	Hoàng Thị Khuy		01/01/1933	270417420	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
229	Nguyễn Thành Nam	09/06/1995		271126589	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
230	Trịnh Thị Nhân		24/06/1942	270406245	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
231	Đinh Viết Khóa	28/01/1955		270406109	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
232	Đinh Viết Thán	01/01/1941		272695151	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
233	Đinh Thị Minh Trang		28/02/1968		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
234	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1934		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
235	Võ Thị Thi		01/01/1934		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
236	Đinh Hoàng Phi Phụng		14/09/2011		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
237	Ngô Nguyễn Hà Anh	21/11/2011			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
238	Nguyễn Thị Tươi		01/01/1962		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
239	Triệu Hải Yến		19/01/2010		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
240	Nguyễn Thị Thu Hà		09/11/1965	270725652	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
241	Trần Thị Như		01/12/1947	272504511	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
242	Nguyễn Thị Nhiệm		01/01/1935	272579821	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
243	Bùi Thị Quý		01/01/1935	272388284	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	hỗ trợ COVID-19	
244	Dương Thị Ngon		01/01/1935	270725449	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
245	Trần Nhật Nam	01/01/2010			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
246	Mai Thị Niên		04/09/1984	151416223	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
247	Nguyễn Tri Ân	15/05/1935		270988544	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
248	Nguyễn Đình Hương	05/05/1935		270418034	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
249	Vũ Văn Nhiên	01/01/1942		270405983	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
250	Đinh Thị Hồng		25/04/1935	270406794	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
251	Cao Như Bình	12/08/2002			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
252	Cao Như Công	05/05/1975		272222262	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
253	Lại Thị Sâm		01/01/1952		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
254	Vũ Thùy Trang		10/04/1987	272776316	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
255	Nguyễn Đình Quý	23/01/1986		271692167	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
256	Trương Thị Nhiệm		01/01/1951	285205918	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
257	Phạm Đoàn Anh Phương		10/06/2008		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
258	Đoàn Thị Thảo		04/08/1987		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
259	Nguyễn Phương Tú	10/12/1969		271549551	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
260	Lê Việt Văn	15/08/1956			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
261	Bùi Thị Huyền		09/08/1935	270406587	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
262	Bùi Thị Nhu		15/03/1936		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
263	Trần Thị Đậu		17/03/1960	270406170	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
264	Nguyễn Thị Khen		23/04/1936		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
265	Nguyễn Thị Kim Oanh		01/02/1961	270725286	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
266	Triệu Tuấn Khang	01/04/2015			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
267	Bé Thị Lan		20/09/1979	272182170	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
268	Mai Văn Học	15/08/1952			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
269	Nguyễn Thị Yên		01/01/1936		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
270	Nhữ Sỹ Kiệm	25/12/1978			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
271	Lê Văn Nghị	01/10/1980			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
272	Nguyễn Thị Ve		01/02/1945	170629127	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
273	Cao Thị Tiềm		05/09/1936		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
274	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		20/06/2001		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
275	Cao Thị Tăng		01/01/1937	270419347	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
276	Đỗ Văn Bé	01/01/1937		270955059	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
277	Vũ Hùng Đức	05/03/1937		271121026	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
278	Phạm Thị Đồ		15/03/1937	270418094	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
279	Nguyễn Hoàng Gia Huy	08/07/2010			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
280	Nguyễn Thị Vân		01/01/1935	272775805	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
281	Trịnh Đan Huy	16/04/2005			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
282	Trịnh Văn Lượng	24/09/1983		274518916	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
283	Trần Tiến Sang	01/11/1997			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
284	Trần Thanh Hiến	24/12/1961		271929988	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
285	Nguyễn Xuân Hào	21/11/2011			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
286	Vũ Thị Loan		09/06/1938	272769251	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
287	Nguyễn Minh Khanh	26/10/1952		272380895	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
288	Vũ Thị Xuân Thu		26/05/1953	272380896	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
289	Đinh Thị Rơi		01/01/1938	270417984	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
290	Lê Thị Tuy		12/02/1938	272828193	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
291	Phạm Thị Lan		01/01/1980	261384231	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
292	Vũ Xuân Kỳ		13/09/1959	272947837	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
293	Vũ Thị Bích Ngọc		01/04/1989	031670138	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
294	Trần Thị Dạ Thảo		29/10/2004		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
295	Nguyễn Văn Vạn		01/01/1945	271228847	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
296	Phạm Thị Viện		01/01/1943	271228848	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
297	Dương Thị Cẩm		06/11/1938	272963483	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
298	Đỗ Sinh Thông		19/05/1983	271482610	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
299	Nguyễn Thị Thế		15/12/1989		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
300	Nguyễn Văn Sơn		11/11/2013		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
301	Đinh Thị Hoa		22/02/1974		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
302	Nguyễn Hoàng Đức		12/10/2013		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
303	Nguyễn Văn Nam		01/07/1975	272803259	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
304	Trần Xuân Tuấn		20/07/1990	272240041	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
305	Phạm Thị Hiền		13/09/1981		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
306	Nguyễn Thị Côi		01/01/1939	270406842	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
307	Phạm Thị Ngân		01/01/1950	272186235	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
308	Nguyễn Hùng Lân		08/01/1939	270406275	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
309	Nguyễn Thị Chín		02/03/1939	270417814	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
310	Nguyễn Thị Cây		10/09/1938	271871960	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
311	Nguyễn Thị Luân		01/01/1939	270415052	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
312	Hoàng Thị Thuyết		06/12/1985		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
313	Vũ Nguyễn Thiện Nhân	10/02/2013			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
314	Trần Văn Chi	02/02/1950		270406114	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
315	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/1962	272655146	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
316	Huỳnh Minh Thương	12/09/1989		271922949	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
317	Đinh Viết Khóa	01/01/1939		271646226	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
318	Nguyễn Quốc Huy	08/02/2016			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
319	Đinh Thị Thành		01/01/1953	272504593	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
320	Phạm Đức Long	13/09/2005			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
321	Nguyễn Viết Hùng	14/12/1974		271797618	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
322	Trần Văn Trung	12/01/1980		272106013	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
323	Mai Tiến Dũng	04/01/2019			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Trẻ em mồ côi dưới 4 tuổi	750.000	1.500.000	
324	Mai Ngọc Nhi		24/04/2010		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
325	Lê Hồng Tứ	20/05/1951		272636367	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
326	Nguyễn Thị Kim Thanh		10/10/1952	270406762	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
327	Đinh Văn Thành	01/10/1953		270418107	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
328	Chu Văn Hựu	19/04/1961		271560736	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
329	Trần Thị Hương		07/08/1964	272182949	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
330	Hoàng Thị Ngọc		01/01/1939	272126096	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
331	Nguyễn Đức Vinh	09/04/1970		270799096	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
332	Trần Thị Phương		10/12/1973	271871414	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
333	Trần Thế Kiên	28/02/1958		272307437	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
334	Phạm Đoàn Ngọc Hân		24/11/2016		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
335	Vũ Hoàng Sơn	13/01/2011			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
336	Vũ Văn Thủy	26/06/1978		272720564	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
337	Trần Văn Nghi	01/01/1928		276039830	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
338	Vũ Thiện Huy	15/09/2013			ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
339	Nguyễn Thị Hiền		20/12/1977	272307472	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
340	Đậu Thị Lý		10/08/1953		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
341	Nguyễn Thị Kim Ngân		10/09/1981	271527017	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
342	Dương Thị Phương Linh		12/11/2018		ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
343	Phạm Văn Thông	19/12/1973		272241077	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
344	Vũ Thị Diệp		13/05/1954	272618683	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
345	Hà Thị Chiêu		01/01/1940	272636423	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
346	Vũ Đình Bưởi	22/02/1940		270405977	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
347	Võ Thị Riện		01/01/1940	270417191	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
348	Nguyễn Quang Quảng	01/01/1964		168434521	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
349	Đinh Viết Tả	19/09/1939		270418059	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
350	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1940	270406519	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
351	Nguyễn Thị Thom		08/08/1957	270406519	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
352	Phạm Thị Diệp		21/07/1956	276058854	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
353	Phạm Thị Ba		21/01/1940	270406078	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
						Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
354	Nguyễn Thị Kim Liên		14/08/1957	270407841	ấp An Chu, xã Bắc Sơn				
355	Hồ Thị Nhanh		12/08/1928	270617262	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
356	Phạm Thị Diệp		21/07/1956	276058854	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
357	Phạm Thị Ba		21/01/1940	270406078	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
						Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
358	Nguyễn Thị Kim Liên		14/08/1957	270407841	ấp An Chu, xã Bắc Sơn				
359	Hồ Thị Nhanh		12/08/1928	270617262	ấp An Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
360	Nguyễn Thị Liên		01/01/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
361	Nguyễn Thị Thu Hà		01/01/1993	272505670	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
362	Nguyễn Thị Mùi		07/04/1953	270408325	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
363	Nguyễn Thị Minh Trang		01/01/1992		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
364	Nguyễn Thị Hoa		10/05/1950	270408378	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
365	Thân Thị Cúc		01/01/1974		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
366	Chu Chí Công	12/06/2002			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
367	Phạm Thị Hà		01/01/1981		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
368	Nguyễn Thị Lệ		01/01/1925	270408617	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
369	Nguyễn Thị Bạch		01/01/1934		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
370	Trần Thị Tâm		01/01/1963	270408529	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
371	Nguyễn Thị Mộng Mơ		19/02/1996		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
372	Nguyễn Thị Nghĩa		01/06/1962	270408482	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
373	Nông Tấn Tài	06/06/2003			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
374	Đoàn Thị Duyên Hoa		20/07/1965	271693244	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
375	Nguyễn Lê Xuân Hải	01/01/1981			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
376	Nguyễn Văn Khanh	30/08/1956			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
377	Chu Thị Minh Nguyệt		07/07/1975		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
378	Nguyễn Văn Lan	01/01/1955			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
379	Nguyễn Văn Lan	15/08/1946			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
380	Lý Quốc Khanh	01/01/1974			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
381	Nguyễn Thị Thúy Vy		26/02/1996		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
382	Nguyễn Văn Thiết	03/03/1937		270408431	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
383	Phạm Văn Bảo	01/01/1930		270408274	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
384	Thân Thị Quyền		01/01/1930	270408504	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
385	Nguyễn Thị Đền		16/08/1927	270408793	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
386	Thân Thị Chi		10/08/1928		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
387	Nguyễn Văn Thanh	25/08/1968		270726004	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
388	Nguyễn Thị Hồng Thanh		18/12/1975	271414865	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
389	Lăng Thị Bằng		14/10/1929		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
390	Hà Văn Long	07/10/1970			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
391	Chu Văn Mười	10/10/1931		276408734	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
392	Nguyễn Thị Trúc		20/02/1932	270408980	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
393	Nguyễn Thị Duyên		15/04/1954		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
394	Thân Thị Khánh		10/09/1960		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
395	Nguyễn Thị Thu		01/01/1933	270408993	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
396	Nguyễn Thị Phúc		01/01/1968	270408658	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
397	Nguyễn Hoàng Vũ	17/06/2008			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
398	Nguyễn Đắc Long	13/09/1973			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
399	Nguyễn Văn Tuấn	20/10/1983		271482863	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
400	Nguyễn Thị Châu		01/01/1934	270401792	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
401	Chu Thị Bé		01/01/1934	270408833	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
402	Phạm Thị Kim Oanh		09/02/1987	271813372	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	hiệu trợ COVID-19	
403	Nguyễn Ngọc Huyền Trang		25/11/2007		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
404	Giáp Thị Hào		19/11/1949	270416533	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
405	Nguyễn Thị Thúy		11/05/1966	270799217	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
406	Liêu Tuyết Nhi		22/04/2007		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
407	Nguyễn Thị Đại		01/01/1935	270408268	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
408	Chu Thị Bằng		01/01/1937	270408187	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
409	Thân Kim Khánh		09/01/1990		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
410	Chu Thị Năm		01/01/1935	270408546	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
411	Nguyễn Thị Nhỡ		20/06/1935	270407983	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
412	Phạm Thị Hương		08/03/1930	028535419	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
413	Đinh Thị Nhung		10/02/1970	270867655	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
414	Nguyễn Văn Thay	03/01/1936		270408648	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
415	Nguyễn Thị Nhi		01/01/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
416	Nguyễn Thị Nhiên		01/01/1936	270408830	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
417	Âu Văn Phan	01/01/1937		270408829	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
418	Chu Thị Quy		01/01/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
419	Giáp Thị Thất		01/01/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
420	Chu Thị Bảy		01/01/1936	270408318	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
421	Nguyễn Thị Cúc		04/02/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
422	Nguyễn Thị Sách		01/01/1936	270408418	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
423	Nguyễn Văn Thiết	15/02/1936			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
424	Giáp Thị Dung		08/03/1936	270408902	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
425	Nguyễn Thị Gám		01/01/1936	270408382	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
426	Lý Cao Tùng	09/06/1988			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
427	Lý Anh Tuấn	03/05/1967			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
428	Nguyễn Thị Chứng		20/05/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
429	Nguyễn Thị Mai		01/01/1936	270408460	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
430	Nguyễn Thị Phúc		01/01/1937	270407967	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
431	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		09/08/1989		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
432	Nguyễn Văn Sơn	05/05/1954			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
433	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1936		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
434	Vũ Tấn Ninh	25/08/1985			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
435	Nguyễn Thị Bích Trâm		18/08/1998		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
436	Nguyễn Thanh Vũ	06/10/1968		270725908	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hội có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
437	Nguyễn Hoàng Chương	09/04/1985		271635172	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
438	Nguyễn Thị Diễm		01/01/1937	270408183	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
439	Nguyễn Thị Tư		01/01/1937	270407995	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
440	Nguyễn Thị Nở		07/02/1937	270408419	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
441	Nguyễn Thị Bé		01/01/1947	270408155	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
442	Nguyễn Thị Ngân		22/01/1942	270408447	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
443	Nguyễn Thị Tiến		06/06/1937	270407999	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
444	Nguyễn Thị Hòe		10/10/1937	270408165	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
445	Nhục Thị Tòng		05/12/1937	270408128	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
446	Nguyễn Thị Miên		01/01/1938	270408365	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
447	Nguyễn Thị Đào		01/01/1938	270408626	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
448	Nguyễn Ngọc Hà	15/09/1961		270922196	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
449	Nguyễn Ngọc Hà	25/04/1954		270426238	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
450	Phạm Thị Ngọc Lâm		08/02/2015		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
451	Phạm Thị Hằng		01/01/1987		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
452	Nguyễn Đức Phước	09/03/1990		271922786	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
453	Nguyễn Đình Vũ	06/09/1980			ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
454	Nguyễn Thị Tím		01/01/1937	272374437	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
455	Nguyễn Thị Thân		12/06/1946		ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
456	Lý Quốc Thiện	24/03/1977		271279345	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
457	Hà Thị Cung		14/08/1963	270564622	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
458	Hứa Thanh Tú	02/02/1993		272307220	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
459	Hứa Thanh Tùng	21/12/1984		271922987	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
460	Nguyễn Thị Mến		08/08/1957	270409020	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
461	Nguyễn Thị Nhân		01/01/1951	270408874	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
462	Ngô Thị Tâm		01/01/1940	271887050	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
463	Nguyễn Văn Đạt	01/01/1940		270408990	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
464	Nguyễn Văn Quyết	01/01/1940		270408286	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
465	Lại Tuấn Trí	19/06/2000		271952108	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
466	Chu Thị Thành		01/01/1950	270408925	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
467	Chu Thị Thành		01/01/1950	270408925	ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
468	Lê Uyên Phương		01/01/1984	271576936	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
469	Trần Thiện Minh	01/01/1965			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
470	Nguyễn Thị Măng		01/01/1970		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
471	Đỗ Thị Hiền		01/01/1985		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
472	Nguyễn Văn Công	01/01/1988		272103159	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
473	Nguyễn Văn Tuấn	20/04/1998			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
474	Nguyễn Văn Thành	08/08/1951			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
475	Nguyễn Thị Bức		01/01/1930	270919994	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người già cô đơn từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
476	Đinh Thị Loan		01/01/1916		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
477	Ngô Thị Nhật		05/07/1924	270417220	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
478	Võ Văn Thành	01/01/1957			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
479	Trần Thị Kim Ánh		01/01/1962		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
480	Lâm Anh Hào	02/12/2004			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
481	Thần Thị Phương		10/02/1925	270406112	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
482	Nguyễn Thị Tim		01/01/1960		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
483	Đình Minh Thách	02/02/1925		270407897	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
484	Nguyễn Thị Hạt		01/01/1944	271872013	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
485	Nguyễn Thị Nhu		15/03/1963	270417430	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
486	Trần Thanh Hiền		01/03/1985		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
487	Trần Đình Hân	01/01/1960			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
488	Vũ Thị Nga		20/05/1982	271817268	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
489	Ngô Thị Đáo		01/01/1955		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
490	Phạm Quang Huy	08/10/2004			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
491	Phạm Huy Hợp	18/11/2007			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
492	Nguyễn Văn Nhận	01/01/1926		270417069	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
493	Đình Thị Lan		01/01/1964	271929054	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
494	Nguyễn Quang Huân	20/10/1930			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
495	Nguyễn Thị Lựu		01/01/1926		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
496	Cao Thị Kham		01/01/1930		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
497	Cao Đắc Kham	01/01/1927		270417757	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
498	Nguyễn Văn Tới	01/01/1929		270406546	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
499	Nguyễn Thị Khấn		01/01/1930	270417351	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
500	Vũ Tể	01/01/1930		270417544	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
501	Đoàn Hữu Thúc	01/01/1930		271121015	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
502	Đinh Thị Loan		01/01/1929		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
503	Ngô Thị Hoa		01/01/1928		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
504	Phạm Thị Quý		15/10/1928		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
505	Hoàng Văn Thề	01/01/1926			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
506	Trình Thị Nguyệt		01/01/1930		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
507	Ngô Thị Ngọt		08/06/1930		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
508	Ngô Thị Đỏ		12/10/1931	270418122	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
509	Nguyễn Ngọc Duy	23/03/1971			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
510	Đinh Thị Huệ		01/01/1932	270417302	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
511	Nguyễn Sơn Lâm	23/05/1986			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
512	Lâm Ngọc Quế	01/01/1928			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
513	Lâm Thị Tám		01/01/1937	270418235	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
514	Nguyễn Thị Thùy Trang		13/04/1994		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
515	Nguyễn Văn Cáp	01/01/1932			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
516	Hoàng Điềm	12/02/1932			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
517	Ngô Văn Y	01/05/1932			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
518	Nguyễn Văn Tàng	02/01/1933		270417365	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
519	Nguyễn Viết Thiệp	01/01/1932		270417222	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
520	Phạm Thị Nguyễn		25/02/1935	270417223	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
521	Phạm Lê Tuyết Như		08/12/2007		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
522	Lê Thị Kiều Oanh		01/01/1974		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
523	Phan Ngọc Thảo Vy		28/07/2010		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
524	Thân Thị Kim Ngọc		01/01/1986		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
525	Lại Văn Định	01/01/1927		270417883	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
526	Trần Văn Nuôi	17/01/1933		270408532	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
527	Phạm Thị Tiếp		01/01/1930	270408112	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
528	Nguyễn Minh Thiện	01/01/1976			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
529	Nguyễn Thị Đơn		01/01/1933	270406242	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
530	Cao Đức Hạnh	27/10/1986		271745273	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
531	Lê Thị Quỳnh Hoa		05/10/2009		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
532	Nguyễn Thị Thuý Liễu		01/01/1978		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
533	Hoàng Văn Khảo	30/03/1933		270417060	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
534	Ngô Thị Kim Phương		10/04/1991	272126915	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
535	Vũ Văn Thục	16/02/1933		270417327	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
536	Nguyễn Thị Oanh		13/09/1933	270417935	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
537	Nguyễn Đức Huy	21/08/2001			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
538	Phạm Khánh Minh	20/01/2011			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
539	Đinh Thị Rắc		01/01/1933	270408308	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
540	Nguyễn Thị Tuyết Nga		17/05/1952	272126409	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
541	Nguyễn Thị Lương		04/09/1981	271581241	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
542	Đỗ Đình Quán	25/05/1960			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
543	Ngô Thị Bích Loan		01/01/1968		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
544	Đinh Thanh Tuấn Anh	11/03/2003			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
545	Võ Thị Kiều		01/01/1934	270422915	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
546	Phạm Thị Mầu		01/01/1934	270406296	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
547	Đình Công Dũng	20/07/1989			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
548	Cao Văn Kỳ	20/12/1936		270417713	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
549	Đình Ngọc Tuấn	06/02/1968		270725652	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
550	Vũ Văn Nam	01/01/1933		272365173	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
551	Vũ Thị Nguyễn		01/01/1935		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
552	Đình Thị Rằm		01/01/1950	270417022	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
553	Phan Thị Hiệp		01/10/1969	270919934	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
554	Phan Văn Nhiệm	01/01/1934		270461238	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
555	Vũ Trần Thùy Tiên		11/10/1992	272229884	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
556	Vũ Trần Mộng Tuyền		07/02/1994	272307408	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
557	Đình Quỳnh Khánh Trang		25/03/2010		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
558	Đình Viết Đù	01/01/1933		271880481	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
559	Nguyễn Thị Kiều Giang		09/02/1977	271279218	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
560	Tổng Thị Chích		01/01/1955		ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
561	Cao Thị Tý		23/01/1962	270414977	ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
562	Đình Quang Vinh	20/03/1961			ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	